

Số: 231/2026/QĐST-HNGĐ

Vĩnh Long, ngày 28 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – VĨNH LONG

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 217/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Trần Ngọc T**, sinh ngày 01/01/1988.

Căn cước công dân số: 083.088.010.345 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/5/2021.

Địa chỉ: Số B, khu phố B, phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Địa chỉ hiện nay: Số B, khu phố B, phường A, tỉnh Vĩnh Long).

- Chị **Nguyễn Thị H**, sinh ngày 26/7/1987.

Căn cước công dân: 083.178.015.273 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/8/2021.

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. (Địa chỉ hiện nay: Xã L, tỉnh Vĩnh Long).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Trần Ngọc T và chị Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thị xã B, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long) nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn lại được nên anh chị yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn.

[2] Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 23/02/2026 anh Trần Ngọc T và chị Nguyễn Thị H; Đơn xin từ chối hoà giải và yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 23/02/2022 của chị Nguyễn Thị H; Biên bản ghi nhận việc hoà giải đoàn tụ không được ngày 17/4/2026. Anh T1 và chị H đã thống nhất, thỏa thuận như sau:

- Về hôn nhân: Anh Trần Ngọc T và chị Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh T1 và chị H có 01 con chung tên Trần Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 10/9/2011. Sau ly hôn, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu D cho đến khi tròn 18 tuổi, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh T1 và chị H tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T1 và chị H khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Các vấn đề khác: Không có.

- Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm anh T1 và chị H phải chịu là 300.000 đồng.

[3] Xét thấy, việc thuận tình ly hôn sự thỏa thuận của các đương sự hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải đoàn tụ được, ghi nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Ngọc T và chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Anh T1 và chị H có 01 con chung tên Trần Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 10/9/2011. Sau ly hôn, chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu D cho đến khi tròn 18 tuổi. Ghi nhận việc chị H không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh T1 và chị H tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên ghi nhận.

- Về nợ chung: Anh T1 và chị H khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên ghi nhận.

- Về các vấn đề khác: Anh T1 và chị H khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên ghi nhận.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Ngọc T và chị Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0004185 ngày 10/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Anh T1 và chị H đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 5 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 5 - Vĩnh Long;
- **UBND phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long;**
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Lê Thị Thúy Hằng